

	A	B	C	D	E	F	G
1	Trưởng THPT Bình An						
2	Học k 1						
3	Năm 2025-2026						
4							
5			Giáo viên	Nguyễn Minh Đồng			
6			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
7			Buổi sáng				
8		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
9	1		12A1.4 - Toán	12A4.1 - Toán			Lớp Toán 6 - Tự chọn
10	2		12A1.4 - Toán	12A4.1 - Toán			Lớp Toán 6 - Tự chọn
11	3		11A1.2 - Toán	11A1.2 - Toán			Lớp Toán 8 - Tự chọn
12	4		11A1.2 - Toán	12A1.4 - Toán			Lớp Toán 8 - Tự chọn
13	5			12A1.4 - Chuyên đề Toán			
14			Buổi chiều				
15		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
16	1				12A4.1 - Chuyên đề Toán		Ôn HSG - Casio
17	2				12A4.1 - Toán		Ôn HSG - Casio
18	3				11A1.2 - Chuyên đề Toán		
19	4						
20	5						
21							
22			Giáo viên	Vũ Kim Hồng			
23			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
24			Buổi sáng				
25		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
26	1		12A1.5 - Toán	10A3.1 - Chuyên đề Toán			
27	2		10A2.1 - Toán	10A3.1 - HĐTN			
28	3	10A3.1 - Toán	10A3.1 - Toán	10A3.1 - HĐTN			
29	4	10A3.1 - HĐTN	10A3.1 - Toán	10A2.1 - Toán			
30	5			12A1.5 - Toán			
31			Buổi chiều				
32		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
33	1	10A2.1 - Toán	12A1.5 - Chuyên đề Toán			10A2.1 - Chuyên đề Toán	
34	2	12A1.5 - Toán	Lớp Toán 1 - Tự chọn			12A1.5 - HĐTN	
35	3	12A1.5 - HĐTN	Lớp Toán 1 - Tự chọn			12A1.5 - HĐTN	
36	4						
37	5						
38							
39			Giáo viên	Lê Doãn Thuận			
40			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		

	A	B	C	D	E	F	G
41			Buổi sáng				
42		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
43	1						
44	2	12A1.1 - SHCN					
45	3	12A1.1 - Toán	10A1.1 - Toán				Lớp Toán 9 - Tự chọn
46	4	12A1.1 - Toán	12A3.2 - Toán				Lớp Toán 9 - Tự chọn
47	5						
48			Buổi chiều				
49		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
50	1	12A3.2 - Toán			12A3.2 - Toán	10A1.1 - Toán	Ôn HSG - Casio
51	2	12A1.1 - Toán			12A3.2 - Chuyên đề Toán	10A1.1 - Toán	Ôn HSG - Casio
52	3	10A1.1 - Chuyên đề Toán				12A1.1 - Chuyên đề Toán	
53	4						
54	5						
55							
56			Giáo viên	Nguyễn Thị Anh Đào			
57			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
58			Buổi sáng				
59		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
60	1			11A1.1 - Toán	11A1.1 - Toán	10A1.2 - Toán	
61	2	10A1.2 - SHCN		11A1.1 - Toán		10A1.2 - Toán	
62	3			11A4.1 - Toán	11A4.1 - Toán	11A3.1 - Toán	
63	4	10A1.2 - Chuyên đề Toán			11A4.1 - Toán		
64	5			11A3.1 - Toán			
65			Buổi chiều				
66		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
67	1				11A3.1 - Toán		
68	2	10A1.2 - Toán			11A3.1 - Chuyên đề Toán		
69	3	11A1.1 - Chuyên đề Toán					
70	4						
71	5						
72							
73			Giáo viên	Trần Thị Huệ			
74			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
75			Buổi sáng				
76		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
77	1		10A3.2 - Toán	10A3.2 - HDTN	10A1.4 - Toán		Lớp Toán 7 - Tự chọn
78	2		10A3.2 - Toán				Lớp Toán 7 - Tự chọn

	A	B	C	D	E	F	G
79	3				10A3.2 - Toán		Lớp Toán 10 - Tự chọn
80	4		10A3.2 - HĐTN	12A2.1 - Toán	10A3.2 - Chuyên đề Toán		Lớp Toán 10 - Tự chọn
81	5			10A1.4 - Toán			
82			Buổi chiều				
83		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
84	1				12A2.1 - Toán	10A3.2 - HĐTN	
85	2		10A1.4 - Chuyên đề Toán		12A2.1 - Chuyên đề Toán		
86	3		10A1.4 - Toán			12A2.1 - Toán	
87	4						
88	5						
89							
90			Giáo viên	Bùi Thị Nữ			
91			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
92			Buổi sáng				
93		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
94	1						Lớp Toán 5 - Tự chọn
95	2	12A1.3 - SHCN				12A1.3 - Chuyên đề Toán	Lớp Toán 5 - Tự chọn
96	3	12A3.1 - Chuyên đề Toán	12A1.3 - Toán			12A1.3 - Toán	
97	4		12A1.3 - Toán	12A3.1 - Toán		10A4.1 - Toán	
98	5			12A3.1 - Toán			
99			Buổi chiều				
100		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
101	1		12A3.1 - Toán				
102	2		Lớp Toán 2 - Tự chọn			10A4.1 - Toán	
103	3		Lớp Toán 2 - Tự chọn			10A4.1 - Toán	
104	4						
105	5						
106							
107			Giáo viên	Nguyễn Tiết Hiếu			
108			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
109			Buổi sáng				
110		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
111	1			11A5.1 - Toán	10A2.2 - Toán		
112	2	11A1.5 - SHCN		11A5.1 - Toán			
113	3	11A1.5 - Chuyên đề Toán		11A2.1 - Toán	11A5.1 - Toán		
114	4	11A1.5 - Toán		11A1.5 - Toán	11A2.1 - Toán		
115	5			10A2.2 - Chuyên đề Toán			

	A	B	C	D	E	F	G
116			Buổi chiều				
117		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
118	1	10A2.2 - Toán			11A2.1 - Chuyên đề Toán		
119	2	10A2.2 - Toán			11A1.5 - Toán		
120	3	11A2.1 - Toán					
121	4						
122	5						
123							
124			Giáo viên	Nguyễn Thị Nga			
125			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
126			Buổi sáng				
127		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
128	1			11A2.2 - Toán	11A1.3 - Toán	10A5.1 - Toán	
129	2			10A5.1 - HĐTN	10A5.1 - Toán		
130	3	10A5.1 - HĐTN		11A3.2 - Toán	10A5.1 - Toán	11A2.2 - Toán	
131	4	11A3.2 - Chuyên đề Toán				11A3.2 - Toán	
132	5			10A5.1 - HĐTN			
133			Buổi chiều				
134		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
135	1	11A1.3 - Toán			11A1.3 - Toán		
136	2	11A1.3 - Chuyên đề Toán			11A2.2 - Toán		
137	3	11A3.2 - Toán			11A2.2 - Chuyên đề Toán		
138	4						
139	5						
140							
141			Giáo viên	Lê Thị Thùy Dung			
142			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
143			Buổi sáng				
144		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
145	1			11A1.6 - Toán			
146	2	11A1.6 - SHCN	12A5.1 - Toán	11A1.6 - Toán			
147	3	12A5.1 - Toán	12A1.2 - Toán	12A1.2 - Toán			
148	4	12A5.1 - Chuyên đề Toán		12A5.1 - Toán			
149	5			12A1.2 - Chuyên đề Toán			
150			Buổi chiều				
151		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
152	1		12A1.2 - Toán				

	A	B	C	D	E	F	G
153	2		Lớp Toán 3 - Tự chọn		11A1.6 - Toán		
154	3		Lớp Toán 3 - Tự chọn		11A1.6 - Chuyên đề Toán		
155	4						
156	5						
157							
158			Giáo viên	Mai Thị Thảo Nguyên			
159			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
160			Buổi sáng				
161		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
162	1			10A1.3 - Chuyên đề Toán			
163	2		11A1.4 - Toán				
164	3	11A1.4 - Chuyên đề Toán	11A1.4 - Toán	11A3.3 - Toán			
165	4		10A1.3 - Toán	11A3.3 - Toán			
166	5						
167			Buổi chiều				
168		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
169	1	11A3.3 - Toán					
170	2	11A1.4 - Toán	10A1.3 - Toán				
171	3	11A3.3 - Chuyên đề Toán	10A1.3 - Toán				
172	4						
173	5						
174							
175			Giáo viên	Nguyễn Thị Lan Anh			
176			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
177			Buổi sáng				
178		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
179	1			12A1.3 - Vật lí	11A1.2 - Chuyên đề Vật lí		
180	2	12A1.5 - SHCN	11A1.2 - Vật lí	12A1.5 - Vật lí	12A1.5 - Chuyên đề Vật lí		
181	3		11A1.6 - Vật lí	12A1.5 - Vật lí	11A1.6 - Vật lí		
182	4		11A1.6 - Chuyên đề Vật lí	11A1.2 - Vật lí	12A1.3 - Vật lí		
183	5						
184			Buổi chiều				
185		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
186	1		12A1.3 - Chuyên đề Vật lí				
187	2		Lớp Lí 2 - Tự chọn				
188	3		Lớp Lí 2 - Tự chọn				
189	4						

	A	B	C	D	E	F	G
190	5						
191							
192			Giáo viên	Trần Đức Khải			
193			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
194			Buổi sáng				
195		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
196	1			12A1.1 - Vật lí			Lớp Lí 4 - Tự chọn
197	2	10A1.1 - SHCN		12A5.1 - Vật lí		10A1.1 - Vật lí	Lớp Lí 4 - Tự chọn
198	3			10A2.2 - Vật lí		12A1.1 - Vật lí	
199	4	10A1.1 - Vật lí				12A1.1 - Chuyên đề Vật lí	
200	5			12A5.1 - Vật lí			
201			Buổi chiều				
202		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
203	1		10A2.2 - Chuyên đề Vật lí				Ôn Casio
204	2		Lớp Lí 1 - Tự chọn			10A2.2 - Vật lí	Ôn Casio
205	3		Lớp Lí 1 - Tự chọn			10A1.1 - Chuyên đề Vật lí	
206	4						
207	5						
208							
209			Giáo viên	Vương Hoài Phú			
210			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
211			Buổi sáng				
212		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
213	1			11A2.1 - HĐTN	11A2.1 - Vật lí	12A1.4 - Vật lí	Lớp Lí 3 - Tự chọn
214	2	11A2.1 - SHCN		11A1.4 - Vật lí	12A1.4 - Vật lí		Lớp Lí 3 - Tự chọn
215	3	11A2.1 - Chuyên đề Vật lí		11A1.4 - Chuyên đề Vật lí	11A2.1 - Vật lí		
216	4	11A5.1 - Vật lí		11A5.1 - Vật lí		11A2.1 - HĐTN	
217	5			11A2.1 - HĐTN			
218			Buổi chiều				
219		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
220	1						
221	2					12A1.4 - Chuyên đề Vật lí	
222	3					11A1.4 - Vật lí	
223	4						
224	5						
225							
226			Giáo viên	Trần Thị Phương Thảo			
227			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
228			Buổi sáng				
229		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7

	A	B	C	D	E	F	G
230	1		11A1.5 - Chuyên đề Vật lí	10A1.2 - HĐTN	10A2.1 - Vật lí	10A1.4 - Vật lí	
231	2		11A1.3 - Vật lí	10A1.2 - Chuyên đề Vật lí		10A1.4 - Vật lí	
232	3			10A2.1 - Vật lí	11A1.3 - Vật lí		
233	4		10A1.2 - Vật lí	10A1.2 - HĐTN	11A1.3 - Chuyên đề Vật lí	10A1.2 - Vật lí	
234	5			11A1.5 - Vật lí			
235			Buổi chiều				
236		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
237	1		10A1.4 - Chuyên đề Vật lí			10A1.2 - HĐTN	
238	2						
239	3		10A2.1 - Chuyên đề Vật lí			11A1.5 - Vật lí	
240	4						
241	5						
242							
243			Giáo viên	Lưu Thị Tuyết Trinh			
244			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
245			Buổi sáng				
246		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
247	1				10A1.3 - Vật lí		
248	2	11A1.1 - SHCN			10A1.3 - Vật lí		
249	3				11A1.1 - Vật lí	10A5.1 - Vật lí	
250	4	11A1.1 - HĐTN			11A1.1 - Vật lí	10A5.1 - Vật lí	
251	5						
252			Buổi chiều				
253		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
254	1	11A2.2 - Vật lí			11A1.1 - HĐTN	11A1.1 - HĐTN	
255	2	11A2.2 - Chuyên đề Vật lí			11A1.1 - Chuyên đề Vật lí		
256	3	10A1.3 - Chuyên đề Vật lí				11A2.2 - Vật lí	
257	4						
258	5						
259							
260			Giáo viên	Nguyễn Long Sơn			
261			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
262			Buổi sáng				
263		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
264	1						
265	2						
266	3			12A2.1 - Vật lí	12A1.2 - Vật lí		Lớp Lí 5 - Tự chọn

	A	B	C	D	E	F	G
267	4			12A1.2 - Chuyên đề Vật lí	12A1.2 - Vật lí		Lớp Lí 5 - Tự chọn
268	5						
269			Buổi chiều				
270		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
271	1	12A2.1 - Chuyên đề Vật lí					
272	2	12A2.1 - Vật lí					
273	3						
274	4						
275	5						
276							
277			Giáo viên	Trương Thị Thúy Huỳnh			
278			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
279			Buổi sáng				
280		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
281	1						
282	2						
283	3						
284	4						
285	5						
286			Buổi chiều				
287		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
288	1						
289	2						
290	3						
291	4						
292	5						
293							
294			Giáo viên	Tô Thị Ái Liễu			
295			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
296			Buổi sáng				
297		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
298	1					11A3.1 - Hóa học	Lớp Hóa 2 - Tự chọn
299	2	12A1.4 - SHCN					Lớp Hóa 2 - Tự chọn
300	3	12A1.4 - Hóa học		11A1.1 - Chuyên đề Hóa học	12A1.1 - Hóa học	12A1.4 - Chuyên đề Hóa học	
301	4			11A1.1 - Hóa học	12A1.1 - Hóa học	12A1.4 - Hóa học	
302	5						
303			Buổi chiều				
304		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
305	1	12A1.4 - HĐTN			12A1.1 - Chuyên đề Hóa học		
306	2	11A1.1 - Hóa học			12A1.4 - HĐTN		
307	3	11A3.1 - Hóa học			12A1.4 - HĐTN		
308	4						
309	5						

	A	B	C	D	E	F	G
310							
311			Giáo viên	Nguyễn Thị Nhung			
312			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
313			Buổi sáng				
314		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
315	1		12A1.3 - Hóa học			10A1.3 - Hóa học	
316	2	10A1.3 - SHCN			12A1.3 - Hóa học	10A1.3 - Hóa học	
317	3	12A4.1 - Hóa học	10A1.3 - HĐTN		10A1.3 - Chuyên đề Hóa học	10A2.2 - Hóa học	Lớp Hóa 3 - Tự chọn
318	4	10A1.3 - HĐTN	12A4.1 - Hóa học		10A2.2 - Chuyên đề Hóa học	10A2.2 - Hóa học	Lớp Hóa 3 - Tự chọn
319	5						
320			Buổi chiều				
321		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
322	1					10A1.3 - HĐTN	
323	2						
324	3					12A1.3 - Chuyên đề Hóa học	
325	4						
326	5						
327							
328			Giáo viên	Hồ Thị Mộng Thu			
329			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
330			Buổi sáng				
331		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
332	1		12A2.1 - Hóa học			12A1.5 - Hóa học	
333	2	10A1.4 - SHCN	10A1.4 - HĐTN			12A1.5 - Hóa học	
334	3				10A2.1 - Hóa học	12A2.1 - Hóa học	
335	4	10A1.4 - HĐTN			10A1.4 - Hóa học	10A2.1 - Chuyên đề Hóa học	
336	5						
337			Buổi chiều				
338		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
339	1		10A2.1 - Hóa học			10A1.4 - HĐTN	
340	2		Lớp Hóa 1 - Tự chọn		12A1.5 - Chuyên đề Hóa học	10A1.4 - Chuyên đề Hóa học	
341	3		Lớp Hóa 1 - Tự chọn		12A2.1 - Chuyên đề Hóa học	10A1.4 - Hóa học	
342	4						
343	5						
344							
345			Giáo viên	Đỗ Thị Ninh			
346			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
347			Buổi sáng				
348		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
349	1			11A3.2 - Hóa học	10A1.2 - Hóa học	11A1.4 - Hóa học	

	A	B	C	D	E	F	G
350	2	11A1.4 - SHCN		10A3.2 - Hóa học	10A1.2 - Hóa học	11A1.4 - HĐTN	
351	3				11A1.4 - Hóa học	11A3.2 - Hóa học	
352	4			11A1.4 - HĐTN	11A1.4 - Chuyên đề Hóa học		
353	5			11A1.4 - HĐTN			
354			Buổi chiều				
355		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
356	1						
357	2					10A3.2 - Hóa học	
358	3					10A1.2 - Chuyên đề Hóa học	
359	4						
360	5						
361							
362			Giáo viên	Nguyễn Thị Thúy Huyền			
363			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
364			Buổi sáng				
365		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
366	1				11A1.6 - Hóa học	10A3.1 - Hóa học	
367	2	11A1.2 - SHCN			10A1.1 - Chuyên đề Hóa học	11A1.2 - Hóa học	
368	3	10A1.1 - Hóa học		10A1.1 - HĐTN	10A3.1 - Hóa học		
369	4			10A1.1 - HĐTN	10A1.1 - HĐTN		
370	5						
371			Buổi chiều				
372		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
373	1	10A1.1 - Hóa học				11A1.2 - Hóa học	Ôn Casio
374	2					11A1.6 - Chuyên đề Hóa học	Ôn Casio
375	3	11A1.2 - Chuyên đề Hóa học				11A1.6 - Hóa học	
376	4						
377	5						
378							
379			Giáo viên	Nguyễn Thị Liên			
380			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
381			Buổi sáng				
382		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
383	1		11A2.2 - Hóa học		11A3.3 - Hóa học	11A1.3 - Hóa học	
384	2	11A1.3 - SHCN	11A2.1 - Chuyên đề Hóa học		11A1.5 - Hóa học	12A1.2 - Hóa học	
385	3	12A1.2 - Chuyên đề Hóa học	11A2.1 - Hóa học			11A3.3 - Hóa học	

	A	B	C	D	E	F	G
386	4	11A1.3 - Hóa học	11A2.2 - Chuyên đề Hóa học		11A1.5 - Chuyên đề Hóa học		
387	5						
388			Buổi chiều				
389		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
390	1	11A2.1 - Hóa học			11A2.2 - Hóa học		
391	2	12A1.2 - Hóa học					
392	3	11A1.5 - Hóa học			11A1.3 - Chuyên đề Hóa học		
393	4						
394	5						
395							
396			Giáo viên	Hoàng Thị Thu Hiền			
397			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
398			Buổi sáng				
399		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
400	1					12A4.1 - Sinh học	
401	2	11A2.2 - SHCN	11A2.2 - HĐTN				
402	3	11A2.2 - HĐTN	11A2.2 - Sinh học			11A2.1 - Sinh học	
403	4	11A2.2 - Sinh học	11A2.1 - Sinh học				
404	5						
405			Buổi chiều				
406		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
407	1	12A4.1 - HĐTN				12A4.1 - Sinh học	
408	2	12A4.1 - HĐTN				12A4.1 - HĐTN	
409	3	11A2.2 - HĐTN					
410	4						
411	5						
412							
413			Giáo viên	Phạm Quỳnh Anh			
414			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
415			Buổi sáng				
416		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
417	1			10A2.2 - HĐTN		12A3.1 - HĐTN	Lớp Sinh - Tự chọn
418	2	10A2.2 - SHCN		10A2.2 - HĐTN	10A2.2 - HĐTN	10A2.2 - Sinh học	Lớp Sinh - Tự chọn
419	3	11A1.2 - HĐTN			11A1.2 - HĐTN	12A3.1 - Sinh học	
420	4	12A3.2 - Sinh học			11A1.2 - HĐTN	12A3.1 - HĐTN	
421	5						
422			Buổi chiều				
423		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
424	1				12A3.1 - HĐTN		
425	2					12A3.1 - Sinh học	

	A	B	C	D	E	F	G
426	3				12A3.2 - Sinh học	10A2.2 - Sinh học	
427	4						
428	5						
429							
430			Giáo viên	Hồ Thị Hồng			
431			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
432			Buổi sáng				
433		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
434	1			10A2.1 - Sinh học	10A4.1 - HĐTN	11A3.2 - HĐTN	
435	2			10A2.1 - Sinh học	11A3.2 - HĐTN	11A3.2 - HĐTN	
436	3	10A4.1 - Sinh học		10A4.1 - HĐTN	10A4.1 - HĐTN	10A2.1 - HĐTN	
437	4	10A4.1 - Sinh học		11A4.1 - HĐTN	10A2.1 - HĐTN	11A4.1 - Sinh học	
438	5			10A2.1 - HĐTN			
439			Buổi chiều				
440		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
441	1	11A4.1 - HĐTN					Ôn Casio
442	2	11A4.1 - HĐTN					Ôn Casio
443	3	11A4.1 - Sinh học					
444	4						
445	5						
446							
447			Giáo viên	Phan Thị Mỹ Phú			
448			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
449			Buổi sáng				
450		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
451	1		10A2.1 - Công nghệ		10A3.1 - Công nghệ	12A1.2 - HĐTN	
452	2		11A3.1 - Công nghệ		10A2.1 - Công nghệ	10A3.1 - Công nghệ	
453	3	11A4.1 - Công nghệ	11A4.1 - Công nghệ		11A3.2 - Công nghệ	12A1.2 - HĐTN	
454	4	11A3.1 - Công nghệ	12A1.2 - HĐTN		11A3.2 - Công nghệ		
455	5						
456			Buổi chiều				
457		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
458	1	10A4.1 - Công nghệ	10A3.2 - Công nghệ				
459	2	10A4.1 - Công nghệ	10A2.2 - Công nghệ				
460	3	10A3.2 - Công nghệ	10A2.2 - Công nghệ				
461	4						
462	5						
463							
464			Giáo viên	Nguyễn Thị Châu			
465			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
466			Buổi sáng				
467		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7

	A	B	C	D	E	F	G
468	1		12A3.1 - Công nghệ	12A2.1 - Công nghệ			
469	2	11A3.3 - SHCN	12A3.1 - Công nghệ	11A3.3 - Công nghệ	11A2.2 - Công nghệ		
470	3	12A2.1 - Công nghệ		11A2.2 - Công nghệ	12A3.2 - Công nghệ		
471	4		11A3.3 - Công nghệ	11A2.1 - Công nghệ	12A3.2 - Công nghệ		
472	5			12A4.1 - Công nghệ			
473			Buổi chiều				
474		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
475	1						
476	2				11A2.1 - Công nghệ		
477	3				12A4.1 - Công nghệ		
478	4						
479	5						
480							
481			Giáo viên	Nguyễn Thị Vân			
482			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
483			Buổi sáng				
484		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
485	1		11A2.1 - GDĐP			11A3.3 - Ngữ văn	
486	2		12A1.5 - Ngữ văn		11A3.3 - Chuyên đề Ngữ Văn	11A3.3 - Ngữ văn	
487	3		12A5.1 - Ngữ văn		11A3.3 - Ngữ văn	12A1.5 - Ngữ văn	
488	4					12A1.5 - Ngữ văn	
489	5						
490			Buổi chiều				
491		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
492	1				11A3.2 - GDĐP	12A5.1 - Ngữ văn	Ôn HSG
493	2				12A5.1 - Chuyên đề Ngữ Văn	12A5.1 - Ngữ văn	Ôn HSG
494	3				12A1.5 - GDĐP	12A5.1 - GDĐP	
495	4						
496	5						
497							
498			Giáo viên	Bùi Thanh Phương			
499			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
500			Buổi sáng				
501		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
502	1			10A1.1 - Ngữ văn	12A1.1 - Ngữ văn	12A1.1 - Ngữ văn	
503	2	12A3.1 - SHCN		10A1.1 - Ngữ văn	12A1.1 - Ngữ văn	10A2.1 - Ngữ văn	
504	3	10A2.1 - Ngữ văn		12A3.1 - Ngữ văn	12A3.1 - Chuyên đề Ngữ Văn		
505	4	10A2.1 - Ngữ văn				10A1.1 - Ngữ văn	
506	5						

	A	B	C	D	E	F	G
507			Buổi chiều				
508		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
509	1	12A3.1 - Ngữ văn					Ôn HSG
510	2	12A3.1 - Ngữ văn					Ôn HSG
511	3						
512	4						
513	5						
514							
515			Giáo viên	Nguyễn Thị Út			
516			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
517			Buổi sáng				
518		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
519	1		12A4.1 - Ngữ văn				Lớp Văn 2 - Tự chọn
520	2	12A4.1 - SHCN	12A1.3 - Ngữ văn				Lớp Văn 2 - Tự chọn
521	3	12A1.3 - Ngữ văn	11A3.2 - Ngữ văn	12A4.1 - Ngữ văn			Lớp Văn 3 - Tự chọn
522	4	12A1.3 - Ngữ văn		12A4.1 - Ngữ văn			Lớp Văn 3 - Tự chọn
523	5			11A3.2 - Chuyên đề Ngữ Văn			
524			Buổi chiều				
525		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
526	1	11A3.2 - Ngữ văn					
527	2	11A3.2 - Ngữ văn					
528	3	12A4.1 - Chuyên đề Ngữ Văn					
529	4						
530	5						
531							
532			Giáo viên	Trần Thị Mai			
533			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
534			Buổi sáng				
535		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
536	1		12A1.2 - Ngữ văn			12A2.1 - HĐTN	
537	2		12A1.2 - Ngữ văn			12A2.1 - HĐTN	
538	3		12A2.1 - HĐTN			10A3.1 - Ngữ văn	
539	4		12A2.1 - Ngữ văn	10A3.1 - Ngữ văn		10A3.1 - Ngữ văn	
540	5			10A1.2 - Ngữ văn			
541			Buổi chiều				
542		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
543	1	10A1.2 - GDDP	10A1.2 - Ngữ văn			12A2.1 - Ngữ văn	
544	2		10A1.2 - Ngữ văn			12A2.1 - Ngữ văn	
545	3	10A3.1 - Chuyên đề Ngữ Văn				12A1.2 - Ngữ văn	

	A	B	C	D	E	F	G
546	4						
547	5						
548							
549			Giáo viên	Bùi Cẩm Tiên			
550			Có tác dụng từ ngày	29/09/2025			
551			Buổi sáng				
552		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
553	1		11A1.6 - HĐTN	10A1.4 - Ngữ văn			
554	2		11A1.6 - HĐTN	10A1.4 - Ngữ văn			
555	3	10A2.2 - Ngữ văn	11A1.3 - Ngữ văn	11A1.3 - Ngữ văn		11A1.6 - HĐTN	
556	4	10A2.2 - Ngữ văn	11A1.3 - Ngữ văn			11A1.6 - GDĐP	
557	5			11A1.3 - HĐTN			
558			Buổi chiều				
559		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
560	1	10A1.4 - Ngữ văn				10A2.2 - Ngữ văn	
561	2	10A1.4 - GDĐP				11A1.3 - HĐTN	
562	3	11A1.3 - HĐTN				11A3.3 - GDĐP	
563	4						
564	5						
565							
566			Giáo viên	Lê Ái Ngọc Nhi			
567			Có tác dụng từ ngày	29/09/2025			
568			Buổi sáng				
569		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
570	1		11A1.2 - Ngữ văn	12A1.4 - Ngữ văn			
571	2		12A3.2 - Chuyên đề Ngữ Văn	12A1.4 - Ngữ văn		12A1.4 - Ngữ văn	
572	3		11A1.5 - Ngữ văn	12A3.2 - Ngữ văn		12A3.2 - Ngữ văn	
573	4		11A1.5 - Ngữ văn	12A3.2 - Ngữ văn		11A1.5 - Ngữ văn	
574	5			10A4.1 - GDĐP			
575			Buổi chiều				
576		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
577	1	11A1.2 - Ngữ văn					
578	2	11A1.2 - Ngữ văn	Lớp Văn 1 - Tự chọn			10A3.1 - GDĐP	
579	3	10A2.2 - GDĐP	Lớp Văn 1 - Tự chọn			10A5.1 - GDĐP	
580	4						
581	5						
582							
583			Giáo viên	Nguyễn Thanh Nga			
584			Có tác dụng từ ngày	29/09/2025			
585			Buổi sáng				
586		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7

	A	B	C	D	E	F	G
587	1		10A5.1 - Chuyên đề Ngữ Văn				
588	2	10A5.1 - SHCN	11A5.1 - Ngữ văn				
589	3	11A1.6 - Ngữ văn	11A5.1 - Chuyên đề Ngữ Văn				
590	4	11A1.6 - Ngữ văn	10A5.1 - Ngữ văn				
591	5						
592			Buổi chiều				
593		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
594	1	11A5.1 - Ngữ văn				10A5.1 - Ngữ văn	
595	2	11A5.1 - Ngữ văn				10A5.1 - Ngữ văn	
596	3	11A1.6 - Ngữ văn					
597	4						
598	5						
599							
600			Giáo viên	Nguyễn Huỳnh Mỹ Nhung			
601			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
602			Buổi sáng				
603		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
604	1		11A4.1 - Ngữ văn	11A4.1 - Ngữ văn		10A3.2 - Chuyên đề Ngữ Văn	
605	2		11A4.1 - Ngữ văn	11A2.1 - Ngữ văn		10A3.2 - Ngữ văn	
606	3		11A1.1 - Ngữ văn	10A3.2 - GDDP		10A1.1 - GDDP	
607	4		11A1.1 - Ngữ văn	10A1.3 - GDDP			
608	5			11A1.1 - Ngữ văn			
609			Buổi chiều				
610		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
611	1	10A3.2 - Ngữ văn				11A2.1 - Ngữ văn	
612	2	10A3.2 - Ngữ văn				11A2.1 - Ngữ văn	
613	3	10A2.1 - GDDP				11A4.1 - Chuyên đề Ngữ Văn	
614	4						
615	5						
616							
617			Giáo viên	Bùi Hoàng Hà			
618			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
619			Buổi sáng				
620		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
621	1				11A3.1 - GDDP		
622	2	11A3.1 - SHCN		11A2.2 - GDDP		11A3.1 - Chuyên đề Ngữ Văn	
623	3				11A2.2 - Ngữ văn	10A1.3 - Ngữ văn	

	A	B	C	D	E	F	G
624	4	11A1.4 - Ngữ văn		11A2.2 - Ngữ văn	11A3.1 - Ngữ văn	10A1.3 - Ngữ văn	
625	5			11A2.2 - Ngữ văn			
626			Buổi chiều				
627		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
628	1	11A3.1 - Ngữ văn				11A1.4 - Ngữ văn	
629	2	11A3.1 - Ngữ văn				11A1.4 - Ngữ văn	
630	3					10A1.3 - Ngữ văn	
631	4						
632	5						
633							
634			Giáo viên	Võ Huỳnh Ngọc Vân			
635			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
636			Buổi sáng				
637		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
638	1						
639	2						
640	3		10A4.1 - Ngữ văn				
641	4		10A4.1 - Ngữ văn				
642	5						
643			Buổi chiều				
644		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
645	1		10A4.1 - Chuyên đề Ngữ Văn			10A4.1 - Ngữ văn	
646	2						
647	3						
648	4						
649	5						
650							
651			Giáo viên	Lê Thị Hải Yến			
652			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
653			Buổi sáng				
654		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
655	1		11A3.1 - Lịch sử	11A1.3 - Lịch sử			
656	2		11A3.2 - Lịch sử	12A1.1 - Lịch sử		12A1.1 - HĐTN	
657	3		12A1.1 - HĐTN	12A1.1 - Lịch sử		11A1.5 - Lịch sử	
658	4		11A4.1 - Chuyên đề Lịch sử	11A1.6 - Lịch sử			
659	5						
660			Buổi chiều				
661		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
662	1				11A4.1 - Lịch sử	12A1.1 - HĐTN	
663	2				12A3.1 - Lịch sử		
664	3				11A2.1 - Lịch sử	12A3.1 - Lịch sử	

	A	B	C	D	E	F	G
665	4						
666	5						
667							
668			Giáo viên	Nguyễn Thị Hồng			
669			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
670			Buổi sáng				
671		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
672	1			12A5.1 - Lịch sử	10A3.2 - Lịch sử		
673	2	12A5.1 - SHCN	10A5.1 - Chuyên đề Lịch sử	12A2.1 - Lịch sử	12A1.2 - Lịch sử		
674	3	10A1.2 - Lịch sử		12A5.1 - Chuyên đề Lịch sử			
675	4		10A1.1 - Lịch sử	10A2.2 - Lịch sử	10A5.1 - Lịch sử		
676	5			12A2.1 - Lịch sử			
677			Buổi chiều				
678		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
679	1	12A1.2 - Lịch sử					
680	2	10A1.3 - Lịch sử					
681	3	12A5.1 - Lịch sử					
682	4						
683	5						
684							
685			Giáo viên	Trần Thị Thu Hoài			
686			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
687			Buổi sáng				
688		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
689	1		11A1.4 - Lịch sử		11A2.2 - Lịch sử	11A5.1 - Lịch sử	
690	2	11A5.1 - SHCN	11A3.3 - Lịch sử		11A1.2 - Lịch sử	11A1.1 - Lịch sử	
691	3	11A5.1 - HĐTN	12A4.1 - Lịch sử		12A4.1 - Lịch sử	12A4.1 - Chuyên đề Lịch sử	
692	4	12A1.5 - Lịch sử	11A5.1 - GDĐP		11A5.1 - HĐTN	11A5.1 - HĐTN	
693	5						
694			Buổi chiều				
695		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
696	1				12A1.5 - Lịch sử		Ôn HSG
697	2						Ôn HSG
698	3				11A5.1 - Chuyên đề Lịch sử		
699	4						
700	5						
701							
702			Giáo viên	Nguyễn Văn Xuân			
703			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
704			Buổi sáng				
705		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7

	A	B	C	D	E	F	G
706	1		10A4.1 - Lịch sử		12A1.3 - Lịch sử		
707	2	12A3.2 - SHCN	10A4.1 - Chuyên đề Lịch sử		10A1.4 - Lịch sử		
708	3	12A3.2 - Lịch sử	12A3.2 - HĐTN				Lớp Sử - Tự chọn
709	4	12A1.4 - Lịch sử	12A1.4 - Lịch sử				Lớp Sử - Tự chọn
710	5						
711			Buổi chiều				
712		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
713	1	12A1.3 - Lịch sử	10A3.1 - Lịch sử			12A3.2 - HĐTN	
714	2	10A2.1 - Lịch sử				12A3.2 - HĐTN	
715	3					12A3.2 - Lịch sử	
716	4						
717	5						
718							
719			Giáo viên	Trần Công Luận			
720			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
721			Buổi sáng				
722		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
723	1		11A1.3 - Địa lí	12A3.1 - Địa lí	11A5.1 - Chuyên đề Địa lí	11A1.1 - Địa lí	
724	2			12A3.1 - Chuyên đề Địa lí	11A1.1 - Địa lí	11A5.1 - Địa lí	
725	3		11A3.1 - Địa lí		12A5.1 - Địa lí	11A5.1 - Địa lí	
726	4		12A1.1 - Địa lí	11A3.1 - Địa lí	12A5.1 - Địa lí	12A4.1 - Địa lí	
727	5						
728			Buổi chiều				
729		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
730	1		12A1.1 - Địa lí		11A1.2 - Địa lí	12A3.1 - Địa lí	
731	2		Lớp Địa - Tự chọn		11A1.3 - Địa lí	11A1.2 - Địa lí	
732	3		Lớp Địa - Tự chọn		11A3.1 - Chuyên đề Địa lí	12A4.1 - Địa lí	
733	4						
734	5						
735							
736			Giáo viên	Đặng Thị Hiền			
737			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
738			Buổi sáng				
739		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
740	1			11A1.5 - Địa lí	11A4.1 - Chuyên đề Địa lí	12A1.3 - Địa lí	
741	2			11A3.2 - Địa lí	11A4.1 - Địa lí	12A3.2 - Địa lí	
742	3	11A3.2 - Địa lí		11A1.6 - Địa lí	12A1.3 - Địa lí		

	A	B	C	D	E	F	G
743	4	11A3.3 - Địa lí			11A1.6 - Địa lí	11A3.3 - Chuyên đề Địa lí	
744	5			11A3.3 - Địa lí			
745		Buổi chiều					
746		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
747	1	11A1.4 - Địa lí			11A1.4 - Địa lí	12A1.2 - Địa lí	Ôn Olympic
748	2	12A3.2 - Chuyên đề Địa lí			11A4.1 - Địa lí	12A1.2 - Địa lí	Ôn Olympic
749	3	12A3.2 - Địa lí			11A1.5 - Địa lí	11A3.2 - Chuyên đề Địa lí	
750	4						
751	5						
752							
753			Giáo viên	Trần Thị Trang			
754			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
755			Buổi sáng				
756		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
757	1						
758	2						
759	3						
760	4						
761	5						
762		Buổi chiều					
763		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
764	1						
765	2						
766	3						
767	4						
768	5						
769							
770			Giáo viên	Đinh Thanh Sơn			
771			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
772			Buổi sáng				
773		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
774	1			12A1.5 - Địa lí	12A1.5 - Địa lí	10A4.1 - Địa lí	
775	2			11A1.5 - HĐTN	11A3.1 - HĐTN	10A4.1 - Địa lí	
776	3	10A1.4 - Địa lí		11A3.1 - HĐTN	11A3.1 - HĐTN		
777	4	10A3.2 - Địa lí		10A4.1 - Chuyên đề Địa lí	11A3.3 - HĐTN	10A1.4 - Địa lí	
778	5			10A3.2 - Chuyên đề Địa lí			
779		Buổi chiều					
780		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
781	1	10A1.3 - Địa lí			11A1.5 - HĐTN	12A1.4 - Địa lí	
782	2	11A1.5 - HĐTN			11A3.3 - HĐTN	10A1.3 - Địa lí	

	A	B	C	D	E	F	G
783	3	12A1.4 - Địa lí			11A3.3 - HĐTN	10A3.2 - Địa lí	
784	4						
785	5						
786							
787			Giáo viên	Nguyễn Mạnh Hùng			
788			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
789			Buổi sáng				
790		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
791	1						
792	2				10A3.1 - Địa lí		
793	3			10A5.1 - Địa lí	10A1.1 - Địa lí		
794	4			10A5.1 - Chuyên đề Địa lí	10A3.1 - Chuyên đề Địa lí		
795	5			10A1.1 - Địa lí			
796			Buổi chiều				
797		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
798	1						
799	2	10A5.1 - Địa lí				10A1.2 - Địa lí	
800	3	10A1.2 - Địa lí				10A3.1 - Địa lí	
801	4						
802	5						
803							
804			Giáo viên	Phạm Thị Hằng			
805			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
806			Buổi sáng				
807		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
808	1		12A3.2 - GDKT&PL	12A3.2 - GDP	12A1.4 - GDP		
809	2			11A4.1 - GDKT&PL	12A2.1 - GDP	11A4.1 - GDKT&PL	
810	3		12A3.1 - GDKT&PL	11A5.1 - GDKT&PL			
811	4		12A3.1 - GDP	12A1.3 - GDP		12A3.2 - GDKT&PL	
812	5			12A1.3 - HĐTN			
813			Buổi chiều				
814		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
815	1				12A1.3 - HĐTN	12A1.3 - HĐTN	Ôn HSG
816	2					12A1.1 - GDP	Ôn HSG
817	3				12A3.1 - GDKT&PL	11A5.1 - GDKT&PL	
818	4						
819	5						
820							
821			Giáo viên	Đoàn Thị Thanh Trúc			
822			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
823			Buổi sáng				
824		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7

	A	B	C	D	E	F	G
825	1					12A5.1 - GDKT&PL	
826	2	10A4.1 - SHCN				10A5.1 - GDKT&PL	
827	3	11A1.3 - GDĐP				10A4.1 - GDKT&PL	
828	4	12A2.1 - GDKT&PL				12A2.1 - GDKT&PL	
829	5						
830		Buổi chiều					
831		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
832	1	10A5.1 - GDKT&PL					Ôn HSG
833	2	12A5.1 - GDKT&PL			11A1.4 - GDĐP	11A1.5 - GDĐP	Ôn HSG
834	3	10A4.1 - GDKT&PL			11A4.1 - GDĐP	11A1.2 - GDĐP	
835	4						
836	5						
837							
838			Giáo viên	Nguyễn Thị Khuyên			
839			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
840			Buổi sáng				
841		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
842	1			12A1.2 - Tiếng Anh	10A1.1 - Tiếng Anh	10A1.1 - Tiếng Anh	
843	2	12A1.2 - SHCN		12A1.2 - Tiếng Anh		12A3.1 - Tiếng Anh	
844	3			10A1.3 - Tiếng Anh			Lớp Anh 6 - Tự chọn
845	4	12A3.1 - Tiếng Anh			10A1.3 - Tiếng Anh	12A1.2 - Tiếng Anh	Lớp Anh 6 - Tự chọn
846	5			10A1.3 - Tiếng Anh			
847		Buổi chiều					
848		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
849	1						Ôn HSG
850	2	10A1.1 - Tiếng Anh					Ôn HSG
851	3	12A3.1 - Tiếng Anh					
852	4						
853	5						
854							
855			Giáo viên	Triệu Thị Thu Trang			
856			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
857			Buổi sáng				
858		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
859	1		11A1.1 - Tiếng Anh				Lớp Anh 4 - Tự chọn
860	2	12A2.1 - SHCN	12A2.1 - Tiếng Anh				Lớp Anh 4 - Tự chọn
861	3	11A1.1 - Tiếng Anh	12A1.5 - Tiếng Anh				
862	4	11A2.1 - Tiếng Anh	12A1.5 - Tiếng Anh				
863	5						
864		Buổi chiều					
865		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7

	A	B	C	D	E	F	G
866	1	11A1.1 - Tiếng Anh	12A2.1 - Tiếng Anh			12A1.5 - Tiếng Anh	
867	2	11A2.1 - Tiếng Anh	Lớp Anh 1 - Tự chọn				
868	3	12A2.1 - Tiếng Anh	Lớp Anh 1 - Tự chọn			11A2.1 - Tiếng Anh	
869	4						
870	5						
871							
872			Giáo viên	Trần Thị Như Nguyệt			
873			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
874			Buổi sáng				
875		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
876	1		10A3.1 - Tiếng Anh	10A4.1 - Tiếng Anh			
877	2	10A3.1 - SHCN	10A3.1 - Tiếng Anh	10A4.1 - Tiếng Anh	10A4.1 - Tiếng Anh		
878	3		10A1.2 - Tiếng Anh	10A1.2 - Tiếng Anh	10A1.2 - Tiếng Anh		Lớp Anh 5 - Tự chọn
879	4	12A4.1 - Tiếng Anh		12A1.1 - Tiếng Anh	12A4.1 - Tiếng Anh		Lớp Anh 5 - Tự chọn
880	5			12A1.1 - Tiếng Anh			
881			Buổi chiều				
882		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
883	1	10A3.1 - Tiếng Anh	12A4.1 - Tiếng Anh				
884	2						
885	3	12A1.1 - Tiếng Anh					
886	4						
887	5						
888							
889			Giáo viên	Trương Thị Thúy			
890			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
891			Buổi sáng				
892		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
893	1		10A2.2 - Tiếng Anh	11A1.2 - Tiếng Anh	10A5.1 - Tiếng Anh	10A2.2 - Tiếng Anh	
894	2		10A2.2 - Tiếng Anh	11A1.2 - Tiếng Anh	11A1.3 - Tiếng Anh	11A1.3 - Tiếng Anh	
895	3		10A5.1 - Tiếng Anh	10A1.4 - Tiếng Anh		10A1.4 - Tiếng Anh	
896	4			10A1.4 - Tiếng Anh	11A2.2 - Tiếng Anh	11A2.2 - Tiếng Anh	
897	5			11A1.2 - Tiếng Anh			
898			Buổi chiều				
899		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
900	1		10A5.1 - Tiếng Anh				
901	2					11A2.2 - Tiếng Anh	
902	3					11A1.3 - Tiếng Anh	
903	4						
904	5						
905							
906			Giáo viên	Phạm Thị Kim Tiên			
907			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		

	A	B	C	D	E	F	G
908			Buổi sáng				
909		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
910	1					11A4.1 - Tiếng Anh	Lớp Anh 3 - Tự chọn
911	2	11A4.1 - SHCN		11A3.1 - Tiếng Anh			Lớp Anh 3 - Tự chọn
912	3	11A3.1 - Tiếng Anh				12A5.1 - Tiếng Anh	
913	4	11A4.1 - Tiếng Anh				12A5.1 - Tiếng Anh	
914	5			11A4.1 - Tiếng Anh			
915			Buổi chiều				
916		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
917	1	11A1.6 - Tiếng Anh			11A1.6 - Tiếng Anh	11A1.6 - Tiếng Anh	
918	2	12A1.3 - Tiếng Anh				12A1.3 - Tiếng Anh	
919	3	12A1.3 - Tiếng Anh			12A5.1 - Tiếng Anh	11A3.1 - Tiếng Anh	
920	4						
921	5						
922							
923			Giáo viên	Nguyễn Kim Khánh			
924			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
925			Buổi sáng				
926		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
927	1		11A5.1 - Tiếng Anh		11A1.4 - Tiếng Anh	10A2.1 - Tiếng Anh	
928	2	10A2.1 - SHCN	11A1.5 - Tiếng Anh		11A1.4 - Tiếng Anh		
929	3		10A3.2 - Tiếng Anh		11A1.5 - Tiếng Anh	10A3.2 - Tiếng Anh	
930	4					10A3.2 - Tiếng Anh	
931	5						
932			Buổi chiều				
933		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
934	1				11A5.1 - Tiếng Anh	11A1.5 - Tiếng Anh	
935	2				11A5.1 - Tiếng Anh	10A2.1 - Tiếng Anh	
936	3				11A1.4 - Tiếng Anh	10A2.1 - Tiếng Anh	
937	4						
938	5						
939							
940			Giáo viên	Trần Thị Phụng			
941			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
942			Buổi sáng				
943		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
944	1		11A3.3 - Tiếng Anh	11A3.3 - Tiếng Anh			
945	2	11A3.2 - SHCN		12A3.2 - Tiếng Anh			
946	3	11A3.3 - Tiếng Anh	12A1.4 - Tiếng Anh	12A1.4 - Tiếng Anh			
947	4		11A3.2 - Tiếng Anh	11A3.2 - Tiếng Anh			

	A	B	C	D	E	F	G
948	5			12A3.2 - Tiếng Anh			
949			Buổi chiều				
950		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
951	1		12A3.2 - Tiếng Anh		12A1.4 - Tiếng Anh		Ôn HSG - HBTA
952	2		Lớp Anh 2 - Tự chọn		11A3.2 - Tiếng Anh		Ôn HSG - HBTA
953	3		Lớp Anh 2 - Tự chọn				
954	4						
955	5						
956							
957			Giáo viên	Trịnh Hữu Phương			
958			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
959			Buổi sáng				
960		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
961	1		12A5.1 - Tin học	11A3.1 - Tin học		11A1.2 - Tin học	
962	2		11A1.1 - Tin học	12A1.3 - Tin học		12A5.1 - Tin học	
963	3	12A1.5 - Tin học		12A1.3 - Tin học			
964	4	11A1.2 - Tin học	11A3.1 - Tin học	11A1.3 - Tin học			
965	5			11A5.1 - Tin học			
966			Buổi chiều				
967		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
968	1	12A1.5 - Tin học	12A1.4 - Tin học			11A1.3 - Tin học	
969	2	12A1.4 - Tin học					
970	3	11A5.1 - Tin học				11A1.1 - Tin học	
971	4						
972	5						
973							
974			Giáo viên	Nguyễn Minh Cảnh			
975			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
976			Buổi sáng				
977		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
978	1		10A1.4 - Tin học	10A5.1 - Tin học	11A3.2 - Tin học		
979	2			10A1.3 - Tin học	11A1.6 - Tin học		
980	3	10A1.3 - Tin học	11A3.3 - Tin học	11A1.5 - Tin học	10A1.4 - Tin học		
981	4	10A5.1 - Tin học	11A1.4 - Tin học		10A1.2 - Tin học		
982	5						
983			Buổi chiều				
984		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
985	1	11A1.5 - Tin học	10A1.1 - Tin học		11A3.3 - Tin học		
986	2	11A1.6 - Tin học	10A1.1 - Tin học				
987	3	11A1.4 - Tin học	10A1.2 - Tin học		11A3.2 - Tin học		
988	4						

	A	B	C	D	E	F	G
989	5						
990							
991			Giáo viên	Nguyễn Thị Thanh Phụng			
992			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
993			Buổi sáng				
994		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
995	1		12A1.1 - Tin học		12A1.2 - Tin học		
996	2		12A1.1 - Tin học		10A3.2 - Tin học		
997	3						
998	4			10A3.2 - Tin học			
999	5			10A3.1 - Tin học			
1000			Buổi chiều				
1001		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1002	1						
1003	2	10A3.1 - Tin học					
1004	3	12A1.2 - Tin học					
1005	4						
1006	5						
1007							
1008			Giáo viên	Nguyễn Đức Minh			
1009			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
1010			Buổi sáng				
1011		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1012	1		10A1.1 - GDTC		12A3.2 - GDTC	11A1.6 - GDTC	
1013	2		10A1.1 - GDTC		12A3.2 - GDTC	11A1.6 - GDTC	
1014	3		10A2.2 - GDTC			11A1.1 - GDTC	
1015	4		10A2.2 - GDTC			11A1.1 - GDTC	
1016	5						
1017			Buổi chiều				
1018		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1019	1					11A3.3 - GDTC	Ôn HSG
1020	2		10A5.1 - GDTC		12A1.3 - GDTC	11A3.3 - GDTC	Ôn HSG
1021	3		10A5.1 - GDTC		12A1.3 - GDTC		
1022	4						
1023	5						
1024							
1025			Giáo viên	Lê Văn Trường			
1026			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
1027			Buổi sáng				
1028		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1029	1		10A1.2 - GDTC		12A4.1 - GDTC	11A2.1 - GDTC	
1030	2		10A1.2 - GDTC		12A4.1 - GDTC	11A2.1 - GDTC	
1031	3		10A2.1 - GDTC		12A1.4 - GDTC	11A1.2 - GDTC	

	A	B	C	D	E	F	G
1032	4		10A2.1 - GDTC		12A1.4 - GDTC	11A1.2 - GDTC	
1033	5						
1034		Buổi chiều					
1035		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1036	1					11A4.1 - GDTC	
1037	2		10A3.1 - GDTC		12A1.2 - GDTC	11A4.1 - GDTC	
1038	3		10A3.1 - GDTC		12A1.2 - GDTC		
1039	4						
1040	5						
1041							
1042			Giáo viên	Nguyễn Kim Anh Khang			
1043			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
1044			Buổi sáng				
1045		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1046	1				12A5.1 - GDTC	11A2.2 - GDTC	
1047	2	10A3.2 - SHCN			12A5.1 - GDTC	11A2.2 - GDTC	
1048	3		10A1.4 - GDTC		12A1.5 - GDTC	11A1.3 - GDTC	
1049	4		10A1.4 - GDTC		12A1.5 - GDTC	11A1.3 - GDTC	
1050	5						
1051		Buổi chiều					
1052		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1053	1					11A5.1 - GDTC	Ôn HSG
1054	2		10A3.2 - GDTC			11A5.1 - GDTC	Ôn HSG
1055	3		10A3.2 - GDTC				
1056	4						
1057	5						
1058							
1059			Giáo viên	Hà Viết Hùng			
1060			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
1061			Buổi sáng				
1062		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1063	1		10A1.3 - GDTC			11A1.5 - GDTC	
1064	2		10A1.3 - GDTC			11A1.5 - GDTC	
1065	3				12A2.1 - GDTC	11A1.4 - GDTC	
1066	4		12A5.1 - HĐTN		12A2.1 - GDTC	11A1.4 - GDTC	
1067	5						
1068		Buổi chiều					
1069		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1070	1		12A5.1 - HĐTN		12A5.1 - HĐTN	11A3.1 - GDTC	Ôn HSG
1071	2		10A4.1 - GDTC		12A1.1 - GDTC	11A3.1 - GDTC	Ôn HSG
1072	3		10A4.1 - GDTC		12A1.1 - GDTC		

	A	B	C	D	E	F	G
1073	4						
1074	5						
1075							
1076			Giáo viên	Võ Phúc Hậu			
1077			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
1078			Buổi sáng				
1079		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1080	1				12A3.1 - GDTC		
1081	2				12A3.1 - GDTC		
1082	3						
1083	4						
1084	5						
1085			Buổi chiều				
1086		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1087	1					11A3.2 - GDTC	Ôn HSG
1088	2					11A3.2 - GDTC	Ôn HSG
1089	3						
1090	4						
1091	5						
1092							
1093			Giáo viên	Đương Văn Anh			
1094			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
1095			Buổi sáng				
1096		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1097	1		11A3.2 - QP&AN		12A2.1 - QP&AN	12A3.2 - QP&AN	
1098	2		12A4.1 - GDĐP		11A2.1 - QP&AN	12A4.1 - QP&AN	
1099	3				10A2.2 - QP&AN	10A1.2 - QP&AN	
1100	4				12A3.1 - QP&AN	11A3.1 - QP&AN	
1101	5						
1102			Buổi chiều				
1103		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1104	1	12A5.1 - QP&AN	10A1.3 - QP&AN			11A2.2 - QP&AN	Ôn HSG
1105	2	11A3.3 - QP&AN	10A2.1 - QP&AN			11A1.1 - GDĐP	Ôn HSG
1106	3	10A1.4 - QP&AN	10A1.1 - QP&AN				
1107	4						
1108	5						
1109							
1110			Giáo viên	Nguyễn Văn Tiến			
1111			Có tác dụng từ ngày		29/09/2025		
1112			Buổi sáng				
1113		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1114	1			11A1.4 - QP&AN	11A1.5 - QP&AN		
1115	2			11A1.3 - QP&AN	11A5.1 - QP&AN		
1116	3	10A3.2 - QP&AN				11A4.1 - QP&AN	

	A	B	C	D	E	F	G
1117	4	12A1.2 - GDDP		12A1.5 - QP&AN	10A4.1 - QP&AN	12A1.3 - QP&AN	
1118	5			11A1.6 - QP&AN			
1119			Buổi chiều				
1120		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1121	1	12A1.1 - QP&AN			12A1.2 - QP&AN	10A3.1 - QP&AN	Ôn HSG
1122	2				11A1.2 - QP&AN		Ôn HSG
1123	3	10A5.1 - QP&AN			11A1.1 - QP&AN	12A1.4 - QP&AN	
1124	4						
1125	5						